

Số: 1827/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 30 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực văn hóa được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, UBND cấp huyện thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng UBND tỉnh với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc cập nhật, công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2750/QĐ-BVHTTDL ngày 07/8/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 2184/TTr-SVHTTDL ngày 26/8/2019 và Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 1990/TTr-VPUBND ngày 28/8/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Văn hóa được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, UBND cấp huyện thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ thủ tục hành chính số thứ tự 11 và 12 của khoản I, Mục A (trang 3); số thứ tự 05 của khoản I, Mục B (trang 11) thuộc phần I Danh mục TTHC và số thứ tự 11 và 12 của khoản I, Mục A (từ trang 49 đến trang 55); số thứ tự 05 của khoản I, Mục B (từ trang 544 đến hết trang 546) thuộc phần II Nội dung cụ thể của TTHC được ban hành kèm theo Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 10/4/2019 của UBND tỉnh về việc công bố TTHC tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 3.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Cục KSTTHC (VPCP);
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Các phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT, KSTTHC, (Ch).



*Nguyễn Văn Trăm*

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ BÃI BỎ TRONG LĨNH  
VỰC VĂN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT  
CỦA NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH BÌNH PHƯỚC**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2019  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Phần I  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TIẾP NHẬN VÀ  
TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG**

| STT      | Mã số<br>hồ sơ          | Tên thủ tục hành chính                                                       | Trang | Mức<br>độ |
|----------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------|-----------|
| <b>I</b> | <b>LĨNH VỰC VĂN HÓA</b> |                                                                              |       |           |
| 1        | BVH-BPC-279112          | Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke                        | 4     | 3,4       |
| 2        | BVH-BPC-279114          | Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke   | 8     | 3,4       |
| 3        | BVH-BPC-279113          | Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường                      | 11    | 3,4       |
| 4        | BVH-BPC-279115          | Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường | 15    | 3,4       |

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH CẤP HUYỆN**

| STT      | Mã số<br>hồ sơ          | Tên thủ tục hành chính                                                                                                            | Trang | Mức<br>độ |
|----------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----------|
| <b>I</b> | <b>LĨNH VỰC VĂN HÓA</b> |                                                                                                                                   |       |           |
| 1        | BVH-BPC-279117          | Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)                      | 18    | 1; 2      |
| 2        | BVH-BPC-279118          | Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp) | 22    |           |

**C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ**

Các thủ tục hành chính bị bãi bỏ tại Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 10/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh

| STT       | Mã số<br>hồ sơ                      | Tên thủ tục hành chính                                                    | Mức<br>độ |
|-----------|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>I</b>  | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>  |                                                                           |           |
| 11        | BVH-BPC-278900                      | Cấp giấy phép kinh doanh Karaoke (do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp) | 3,4       |
| 12        | BVH-BPC-278903                      | Cấp giấy phép kinh doanh vũ trường                                        | 3,4       |
| <b>II</b> | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b> |                                                                           |           |
| 5         | BVH-BPC-278924                      | Cấp giấy phép kinh doanh Karaoke                                          | 1; 2      |

## **Phần I**

### **NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

#### **A. TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH**

##### **I. LĨNH VỰC VĂN HÓA**

**1. Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke. Mã số hồ sơ: BVH-BPC-279112**

##### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức đề nghị cấp giấy phép kinh doanh Karaoke chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua mạng dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến bộ phận tiếp nhận của Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2. Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể để hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả sau đó chuyển đến Phòng chuyên môn của Sở để nghiên cứu, giải quyết.

- Bước 3. Công chức phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực có trách nhiệm phối hợp các đơn vị có liên quan thẩm định, trình ký ban hành giấy phép. Trường hợp không đồng ý hoặc quá hạn, Sở có văn bản nêu rõ lý do.

- Bước 4. Tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước hoặc qua mạng Internet hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (Mức độ DVC: 3,4) hoặc qua địa chỉ email hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

##### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 - Kèm theo mẫu).

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép.

**h) Phí, lệ phí:**

- Tại thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh:

+ Từ 01 đến 05 phòng, mức thu lệ phí là 6.000.000đồng/giấy;

+ Từ 06 phòng trở lên, mức thu lệ phí là 12.000.000đồng/giấy.

- Tại các khu vực khác:

+ Từ 01 đến 05 phòng, mức thu lệ phí là 3.000.000đồng/giấy;

+ Từ 06 phòng trở lên, mức thu lệ phí là 6.000.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019).

**k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:**

- Là doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm các điều kiện về phòng, chống cháy nổ và an ninh, trật tự theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Phòng hát phải có diện tích sử dụng từ 20 m<sup>2</sup> trở lên, không kể công trình phụ.

- Không được đặt chốt cửa bên trong phòng hát hoặc đặt thiết bị báo động (trừ các thiết bị báo cháy nổ).

\* Trách nhiệm chung của doanh nghiệp khi kinh doanh dịch vụ karaoke

- Chỉ sử dụng các bài hát được phép phổ biến, lưu hành.

- Chấp hành pháp luật lao động với người lao động theo quy định của pháp luật. Cung cấp trang phục, biển tên cho người lao động.

- Bảo đảm đủ điều kiện cách âm và âm thanh thoát ra ngoài phòng hát hoặc phòng vũ trường phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Tuân thủ quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá.

- Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; vệ sinh an toàn thực phẩm; bản quyền tác giả; hợp đồng lao động; an toàn lao động; bảo hiểm; phòng, chống tệ nạn xã hội và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Bảo đảm hình ảnh phù hợp lời bài hát thể hiện trên màn hình (hoặc hình thức tương tự) và văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam.

- Không được hoạt động từ 0 giờ sáng đến 08 giờ sáng.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2019.

- Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

*Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.*

---

....., ngày..... tháng..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH  
DỊCH VỤ KARAOKE**

Kính gửi:..... (2) .....

Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh: .....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số .....do..... cấp ngày .... tháng .... năm .....

Mã số: .....

Đề nghị ... (2) ... xem xét cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường, cụ thể là:

Kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường tại địa chỉ: .....

Tên, biển hiệu cơ sở kinh doanh (nếu có): .....

Điện thoại:..... Fax:.....

| STT | Vị trí, kích thước phòng | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|-----|--------------------------|-----------------------------|
|     |                          |                             |

Tài liệu kèm theo:.....

.....(3).....

... (1) ... xin cam đoan nội dung trình bày trên hoàn toàn chính xác và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu vi phạm, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(1) Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.

(2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.

(3) Nêu rõ các tài liệu kèm theo.

**2. Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke. Mã số hồ sơ: BVH-BPC-279114**

**a) Trình tự thực hiện:**

\* Trường hợp thay đổi về địa điểm kinh doanh phải thực hiện thủ tục cấp mới Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.

\* Trường hợp thay đổi về số lượng phòng hoặc chủ sở hữu:

- Bước 1: Tổ chức đề nghị điều chỉnh giấy phép kinh doanh Karaoke chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua mạng dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến bộ phận tiếp nhận của Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2. Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể để hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả sau đó chuyển đến Phòng chuyên môn của Sở để nghiên cứu, giải quyết.

- Bước 3. Công chức phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực có trách nhiệm phối hợp các đơn vị có liên quan thẩm định, trình ký ban hành giấy phép. Trường hợp không đồng ý hoặc quá hạn, Sở có văn bản nêu rõ lý do.

- Bước 4. Tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước hoặc qua mạng Internet hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (Mức độ DVC: 3,4) hoặc qua địa chỉ email hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 - Kèm theo mẫu).

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc trực tuyến).

+ Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đã được cấp: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc trực tuyến).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 04 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép điều chỉnh.

**h) Phí, lệ phí:**

- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:

+ Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 2.000.000 đồng/phòng

- Tại khu vực khác: Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 1.000.000 đồng/phòng.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019).

**k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:** Không

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.

- Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

*Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.*

---

**TÊN TỔ CHỨC  
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH  
GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH  
DỊCH VỤ KARAOKE**

Kính gửi: .....(2).....

Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh: .....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh  
số..... do..... cấp ngày ....tháng ....năm .....

Mã số: .....

Đã được cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ  
trường số..... do..... cấp ngày .... tháng ... năm .....;

Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc  
dịch vụ vũ trường (điều chỉnh lần thứ..... ) số..... do..... cấp ngày...  
tháng ... năm ..... (nếu có);

... (1)... đề nghị... (2) ... xem xét cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều  
kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường, cụ thể như sau:

Thông tin cũ (nếu có).....

Thông tin điều chỉnh .....(3) .....

... (1) ... xin cam đoan nội dung trình bày trên hoàn toàn chính xác và thực hiện  
đúng các quy định tại Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính  
phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của  
pháp luật có liên quan. Nếu vi phạm, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(1) Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ  
trường.

(2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện  
kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.

(3) Ghi rõ nội dung điều chỉnh.

**3. Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường. Mã số hồ sơ: BVH-BPC-279113-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vũ trường chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua mạng dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến bộ phận tiếp nhận của Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2. Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể để hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả sau đó chuyển đến Phòng chuyên môn của Sở để nghiên cứu, giải quyết.

- Bước 3. Công chức phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực có trách nhiệm phối hợp các đơn vị có liên quan thẩm định, trình ký ban hành giấy phép. Trường hợp không đồng ý hoặc quá hạn, Sở có văn bản nêu rõ lý do.

- Bước 4. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước hoặc qua mạng Internet hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (Mức độ DVC: 3,4) hoặc qua địa chỉ email hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 - Kèm theo mẫu).

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu. Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép.



**h) Phí, lệ phí:**

- Tại các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh: Mức thu lệ phí là 15.000.000đồng/giấy;

- Tại các khu vực khác: Mức thu lệ phí là 10.000.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019).

**k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:**

- Là doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm các điều kiện về phòng, chống cháy nổ và an ninh, trật tự theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Phòng vũ trường phải có diện tích sử dụng từ 80 m<sup>2</sup> trở lên, không kể công trình phụ.

- Không được đặt chốt cửa bên trong phòng vũ trường hoặc đặt thiết bị báo động (trừ các thiết bị báo cháy nổ).

- Địa điểm kinh doanh phải cách trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa từ 200 m trở lên.

\* Trách nhiệm chung của doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi kinh doanh dịch vụ vũ trường

- Chỉ sử dụng các bài hát được phép phổ biến, lưu hành.

- Chấp hành pháp luật lao động với người lao động theo quy định của pháp luật. Cung cấp trang phục, biển tên cho người lao động.

- Bảo đảm đủ điều kiện cách âm và âm thanh thoát ra ngoài phòng hát hoặc phòng vũ trường phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Tuân thủ quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá.

- Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; vệ sinh an toàn thực phẩm; bản quyền tác giả; hợp đồng lao động; an toàn lao động; bảo hiểm; phòng, chống tệ nạn xã hội và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Không được hoạt động từ 02 giờ sáng đến 08 giờ sáng.

- Không cung cấp dịch vụ vũ trường cho người chưa đủ 18 tuổi.

- Trường hợp có chương trình biểu diễn nghệ thuật phải thực hiện theo quy định của pháp luật về biểu diễn nghệ thuật.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.

- Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

*Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.*

---

TÊN TỔ CHỨC  
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH  
DỊCH VỤ VŨ TRƯỜNG**

Kính gửi:..... (2) .....

Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh: .....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số .....do..... cấp ngày .... tháng .... năm .....

Mã số: .....

Đề nghị ... (2) ... xem xét cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường, cụ thể là:

Kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường tại địa chỉ: .....

Tên, biển hiệu cơ sở kinh doanh (nếu có): .....

Điện thoại:..... Fax:.....

| STT | Vị trí, kích thước phòng | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|-----|--------------------------|-----------------------------|
|     |                          |                             |

Tài liệu kèm theo:.....

.....(3).....

... (1) ... xin cam đoan nội dung trình bày trên hoàn toàn chính xác và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu vi phạm, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(1) Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.

(2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.

(3) Nêu rõ các tài liệu kèm theo.

**4. Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường. Mã số hồ sơ: BVH-BPC-279115-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

Trường hợp thay đổi về địa điểm kinh doanh phải thực hiện thủ tục cấp mới Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.

Trường hợp thay đổi về số lượng phòng hoặc chủ sở hữu:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép kinh doanh vũ trường chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua mạng dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến bộ phận tiếp nhận của Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2. Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể để hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả sau đó chuyển đến Phòng chuyên môn của Sở để nghiên cứu, giải quyết.

- Bước 3. Công chức phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực có trách nhiệm phối hợp các đơn vị có liên quan thẩm định, trình ký ban hành giấy phép. Trường hợp không đồng ý hoặc quá hạn, Sở có văn bản nêu rõ lý do.

- Bước 4. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước hoặc qua mạng Internet hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (Mức độ DVC: 3,4) hoặc qua địa chỉ email hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 - Kèm theo mẫu).

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc trực tuyến).

+ Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường đã được cấp: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc trực tuyến).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 04 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép điều chỉnh.

**h) Phí, lệ phí:** Không quy định

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019).

**k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:** Không

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.

*Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.*

---

TÊN TỔ CHỨC  
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH  
GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH  
DỊCH VỤ VŨ TRƯỜNG**

Kính gửi: .....(2).....

Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh: .....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do..... cấp ngày ....tháng ....năm .....

Mã số: .....

Đã được cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường số..... do..... cấp ngày .... tháng ... năm .....

Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường (điều chỉnh lần thứ..... ) số..... do..... cấp ngày... tháng ... năm ..... (nếu có);

... (1)... đề nghị... (2) ... xem xét cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường, cụ thể như sau:

Thông tin cũ (nếu có).....

Thông tin điều chỉnh .....(3) .....

... (1) ... xin cam đoan nội dung trình bày trên hoàn toàn chính xác và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu vi phạm, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(1) Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường:

(2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.

(3) Ghi rõ nội dung điều chỉnh.

## **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

### **I. LĨNH VỰC VĂN HÓA**

**1. Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp) Mã số hồ sơ: BVH-BPC-279117-TT**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức đề nghị cấp giấy phép kinh doanh Karaoke chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua mạng dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Phòng Văn hóa và Thông tin.

- Bước 2. Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể để hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả sau đó chuyển đến bộ phận chuyên môn để nghiên cứu, giải quyết.

- Bước 3. Công chức chuyên môn phụ trách lĩnh vực có trách nhiệm phối hợp các đơn vị có liên quan thẩm định, trình ký ban hành giấy phép. Trường hợp không đồng ý hoặc quá hạn, UBND huyện có văn bản nêu rõ lý do.

- Bước 4. Tổ chức nhận kết quả tại Phòng VH&TT hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (Mức độ DVC: 3,4) hoặc qua địa chỉ email hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 - Kèm theo mẫu).

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Văn hóa và Thông tin.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép.

**h) Phí, lệ phí:**

- Tại thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh:
- + Từ 01 đến 05 phòng, mức thu lệ phí là 6.000.000đồng/giấy;
- + Từ 06 phòng trở lên, mức thu lệ phí là 12.000.000đồng/giấy.
- Tại các khu vực khác:
- + Từ 01 đến 05 phòng, mức thu lệ phí là 3.000.000đồng/giấy;
- + Từ 06 phòng trở lên, mức thu lệ phí là 6.000.000đồng/giấy.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019).

**k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:**

- Là doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.
- Bảo đảm các điều kiện về phòng, chống cháy nổ và an ninh, trật tự theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.
- Phòng hát phải có diện tích sử dụng từ 20 m<sup>2</sup> trở lên, không kể công trình phụ.
- Không được đặt chốt cửa bên trong phòng hát hoặc đặt thiết bị báo động (trừ các thiết bị báo cháy nổ).
- \* Trách nhiệm chung của doanh nghiệp khi kinh doanh dịch vụ karaoke
- Chỉ sử dụng các bài hát được phép phổ biến, lưu hành.
- Chấp hành pháp luật lao động với người lao động theo quy định của pháp luật. Cung cấp trang phục, biển tên cho người lao động.
- Bảo đảm đủ điều kiện cách âm và âm thanh thoát ra ngoài phòng hát hoặc phòng vũ trường phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- Tuân thủ quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.
- Tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống tác hại của thuốc lá.
- Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; vệ sinh an toàn thực phẩm; bản quyền tác giả; hợp đồng lao động; an toàn lao động; bảo hiểm; phòng, chống tệ nạn xã hội và các quy định của pháp luật khác có liên quan.
- Bảo đảm hình ảnh phù hợp lời bài hát thể hiện trên màn hình (hoặc hình thức tương tự) và văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam.
- Không được hoạt động từ 0 giờ sáng đến 08 giờ sáng.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2019.

- Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

*Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.*

---

....., ngày..... tháng..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH  
DỊCH VỤ KARAOKE HOẶC DỊCH VỤ VŨ TRƯỜNG**

Kính gửi:..... (2) .....

Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh: .....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số .....do..... cấp ngày .... tháng .... năm .....

Mã số: .....

Đề nghị ... (2) ... xem xét cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường, cụ thể là:

Kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường tại địa chỉ: .....

Tên, biển hiệu cơ sở kinh doanh (nếu có): .....

Điện thoại:..... Fax:.....

| STT | Vị trí, kích thước phòng | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|-----|--------------------------|-----------------------------|
|     |                          |                             |

Tài liệu kèm theo:.....

.....(3).....

... (1) ... xin cam đoan nội dung trình bày trên hoàn toàn chính xác và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu vi phạm, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(1) Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.

(2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.

(3) Nêu rõ các tài liệu kèm theo.

**2. Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp). Mã số hồ sơ: BVH-BPC-279118-TT**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Trường hợp thay đổi về địa điểm kinh doanh phải thực hiện thủ tục cấp mới Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.
- Trường hợp thay đổi về số lượng phòng hoặc chủ sở hữu:
  - Bước 1: Tổ chức đề nghị điều chỉnh giấy phép kinh doanh Karaoke chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua mạng dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Phòng Văn hóa và Thông tin.
  - Bước 2. Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:
    - + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể để hoàn thiện hồ sơ.
    - + Hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả sau đó chuyển đến bộ phận chuyên môn để nghiên cứu, giải quyết.
  - Bước 3. Công chức chuyên môn phụ trách lĩnh vực có trách nhiệm phối hợp các đơn vị có liên quan thẩm định, trình ký ban hành giấy phép. Trường hợp không đồng ý hoặc quá hạn, UBND huyện có văn bản nêu rõ lý do.
  - Bước 4. Tổ chức nhận kết quả tại Phòng VH&TT hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (Mức độ DVC: 3,4) hoặc qua địa chỉ email hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:
  - + Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 - Kèm theo mẫu).
  - + Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc trực tuyến).
  - + Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đã được cấp: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc trực tuyến).
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 04 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Văn hóa và Thông tin.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép điều chỉnh.

**h) Phí, lệ phí:**

- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:

+ Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 2.000.000 đồng/phòng

- Tại khu vực khác: Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 1.000.000 đồng/phòng.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019).

**k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:** Không

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.

- Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

*Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.*



**TÊN TỔ CHỨC  
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH  
GIẤY PHÉP ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KARAOKE**

Kính gửi: .....(2).....

Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh: .....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do..... cấp ngày ....tháng ....năm .....

Mã số: .....

Đã được cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường số..... do..... cấp ngày .... tháng ... năm .....;

Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường (điều chỉnh lần thứ..... ) số..... do..... cấp ngày... tháng ... năm ..... (nếu có);

... (1)... đề nghị... (2) ... xem xét cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường, cụ thể như sau:

Thông tin cũ (nếu có).....

Thông tin điều chỉnh .....(3) .....

... (1) ... xin cam đoan nội dung trình bày trên hoàn toàn chính xác và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu vi phạm, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

(1) Tên doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.

(2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường.

(3) Ghi rõ nội dung điều chỉnh.